TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 11 - 2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp.
Ông Lý Văn Sua.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 786/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 835/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ: Số 298, LTK, khóm C, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Ngô Hồ Hoàng Phước Thanh T, sinh năm 1982 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 298, LTK, khóm C, phườngS, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đỗ Thị N trình bày: Chị và anh T sống chung vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện chị và anh T đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nay chị N xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng quá lớn không thể hàn gắn và chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N xác định có 01 người con chung tên Ngô Thị Huỳnh S, sinh ngày 19/9/2008, hiện cháu S đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu S, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

Đối với anh Ngô Hồ Hoàng Phước Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Về thủ tục tố tụng: Anh Ngô Hồ Hoàng Phước Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị N cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường hay cự cãi nhau và đã ly thân từ năm 2017 đến nay, hiện nay mỗi người ở một nơi và không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình chứng tỏ anh T cũng không có mong muốn được hàn gắn với chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị N xác định có 01 người con chung tên có 01 người con chung tên Ngô Thị Huỳnh S, sinh ngày 19/9/2008, hiện nay đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu S, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặc khác cháu S là nữ nên việc sống chung với mẹ sẽ tạo điều kiện cho bé phát triển tốt hơn về mặc thể chất cũng như tinh thần. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu S vào ngày 23/9/2019, cháu S cũng có nguyện vọng được sống chung với chị N sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu S cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Mặc dù, giao con cho chị N nuôi nhưng nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng chị N gặp khó khăn hoặc cản trở việc anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì anh T vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị N phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28,35, 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N.

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Ngô Hồ Hoàng Phước Thanh T.

Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Huỳnh S, sinh ngày 19/9/2008, hiện đang sống với chị N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh T.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Đỗ Thị N phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 11/9/2019, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000759 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Định Thành A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Trần Huyền Trân